

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2024/HC-PT

Ngày: 17- 4 - 2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Tự

Các Thẩm phán: ông Trương Công Thi
 bà Võ Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Duy Hoàng - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 405/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2023/HC-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Nguyễn Ngọc Đ (Mè Ngọc Đ1); địa chỉ: thôn C, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Lê Viết P, Luật sư Công ty TNHH H1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Tầng B tòa nhà I, số B Đê L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ: số A C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Khánh Hòa

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Nguyễn Hoàng L - Phó Trưởng phòng và bà Nguyễn Thị T -Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

+ Ông Nguyễn Văn T1 – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K; địa chỉ: số A T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Trọng B – Công chức C thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K; địa chỉ: số A H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đoàn Lý Hoài V – Công chức Địa chính – Xây dựng xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

Người kháng cáo: người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2018 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Nguyễn Ngọc Đ (Mè Ngọc Đ1) và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ1 trình bày:

Từ năm 2001 đến năm 2010, ông Nguyễn Ngọc Đ, tên gọi khác: Mè Ngọc Đ1 (sau đây gọi là Nguyễn Ngọc Đ) mua đất của nhiều người với diện tích khoảng 20ha tại xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hòa để làm trang trại, trong đó, có khoảng 07 ha bị ảnh hưởng bởi các quyết định sau:

Ngày 22/11/2011, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số: 3076/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể bố trí khu dân cư tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011-2015, trong đó có Khu tái định cư thôn B, xã S, huyện K (viết tắt là Quyết định số: 3076/QĐ-UBND ngày 22/11/2011).

Ngày 12/4/2012, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số: 903/QĐ-UBND về việc cho phép chuẩn bị đầu tư dự án Khu tái định cư thôn B, xã S (viết tắt là Khu tái định cư) (viết tắt là Quyết định số: 903/QĐ-UBND ngày 12/4/2012).

Ngày 25/7/2012, UBND huyện K ban hành Quyết định số: 336a/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu tái định cư (viết tắt là Quyết định số: 336a/QĐ-UBND ngày 25/7/2012).

Ngày 19/11/2012, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số: 2879/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Khu tái định cư (viết tắt là Quyết định số: 2879/QĐ-UBND ngày 19/11/2012).

Để thực hiện Khu tái định cư, UBND huyện K đã thu hồi đất của ông Đ với diện tích 70.169,70m² (vượt 11.694,70m² so với Quyết định số: 336a/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu tái định cư là 58.475,00m²), bồi thường hỗ trợ cho ông Đ với tổng số tiền 2.148.612.000 đồng và cưỡng chế thi hành bằng các quyết định sau:

- Quyết định số: 602/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của UBND huyện K về việc thu hồi một phần diện tích đất hộ ông Mè Ngọc Đ1 đang sử dụng để thực hiện

công trình xây dựng Khu tái định cư (viết tắt là Quyết định số: 602/QĐ-UBND ngày 14/10/2013);

- Quyết định số: 603/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của UBND huyện K về việc thu hồi một phần diện tích đất hộ ông Mè Ngọc Đ1 đang sử dụng để thực hiện công trình xây dựng Khu tái định cư (viết tắt là Quyết định số: 603/QĐ-UBND ngày 14/10/2013);

- Quyết định số: 604/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của UBND huyện K về việc thu hồi một phần diện tích đất hộ ông Mè Ngọc Đ1 đang sử dụng để thực hiện công trình xây dựng Khu tái định cư (viết tắt là Quyết định số: 604/QĐ-UBND ngày 14/10/2013);

- Quyết định số: 605/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của UBND huyện K về việc thu hồi một phần diện tích đất hộ ông Mè Ngọc Đ1 đang sử dụng để thực hiện công trình xây dựng Khu tái định cư (viết tắt là Quyết định số: 605/QĐ-UBND ngày 14/10/2013);

- Quyết định số: 606/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của UBND huyện K về việc thu hồi một phần diện tích đất hộ ông Mè Ngọc Đ1 đang sử dụng để thực hiện công trình xây dựng Khu tái định cư (viết tắt là Quyết định số: 606/QĐ-UBND ngày 14/10/2013);

- Quyết định số: 618/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc dự án Khu tái định cư (viết tắt là Quyết định số: 618/QĐ-UBND ngày 18/10/2013);

- Quyết định số: 633/QĐ-UBND ngày 25/10/2013 của UBND huyện K về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Mè Ngọc Đ1 có đất bị thu hồi để thực hiện công trình xây dựng Khu tái định cư (viết tắt là Quyết định số: 633/QĐ-UBND ngày 25/10/2013);

- Quyết định số: 244/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của UBND huyện K về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất với ông Mè Ngọc Đ1 để thực hiện dự án xây dựng Khu tái định cư (viết tắt là Quyết định số: 244/QĐ-UBND ngày 09/5/2014).

Ngày 28/8/2014, ông Đ1 được ông Lưu N (Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K) bàn giao các hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư thực hiện Khu tái định cư, trong đó, có các quyết định nêu trên.

Ngày 29/9/2014, ông Đ1 có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện K đối với các quyết định trên.

Ngày 07/11/2014, UBND huyện K ban hành Thông báo số: 240/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Đ1 vì thời hiệu khiếu nại đã hết. Không đồng ý các quyết định trên, ông Đ1 tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến UBND tỉnh K.

Ngày 26/12/2017, Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017 (viết tắt là Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017), trong đó có nội dung:

- Về việc ông Mè Ngọc Đ1 khiếu nại UBND huyện K thu hồi đất để triển khai thực hiện dự án Khu tái định cư: Việc UBND huyện K thực hiện Dự án khu tái định cư thôn B, xã S, huyện K là đúng quy định của pháp luật; do đó, việc ông Đ1 khiếu nại là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

- Đối với việc thu hồi đất của ông Mè Ngọc Đ1: Trong quá trình triển khai thực hiện dự án... tạm xác định giá trị bồi thường là 2.148.612.000 đồng; do đó, giao UBND huyện K tiếp tục làm việc với ông Đ1 để xác lập hồ sơ bồi thường đúng quy định (điểm 2).

- Đối với nội dung ông Mè Ngọc Đ1 đề nghị được đền bù bằng hoán đổi đất: Giao UBND huyện K kiểm tra, rà soát lại quỹ đất của huyện, báo cáo đề xuất UBND tỉnh trước ngày 15/01/2018 (điểm 3).

- Đối với việc ông Mè Ngọc Đ1 xin được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất còn lại khoảng 14ha: Giao UBND huyện K chỉ đạo UBND xã S và các cơ quan có liên quan mời ông Đ1 làm việc để cung cấp thông tin quy hoạch và hướng dẫn ông Đ1 làm hồ sơ, thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định, cụ thể như sau:

Giao UBND xã S có trách nhiệm tiếp cận hồ sơ trước ngày 25/12/2017, sau 20 ngày làm việc (tính từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định), xem xét, đánh giá có ý kiến, chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K tham mưu trình UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ1 trong thời hạn 23 ngày làm việc (sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định do UBND xã S chuyển) (điểm 4).

Ủy ban nhân dân huyện K báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh trước ngày 15/01/2018.

Đến nay, UBND huyện K vẫn không thực hiện các kết luận trên, cụ thể: Không tiếp tục làm việc với ông Đ1 để xác lập hồ sơ bồi thường theo đúng quy định; không kiểm tra, rà soát lại quỹ đất của huyện, báo cáo đề xuất UBND tỉnh trước ngày 15/01/2018; không chỉ đạo UBND xã S và các cơ quan liên quan mời ông Đ1 làm việc để cung cấp thông tin quy hoạch và hướng dẫn ông Đ1 về hồ sơ, thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Đ1 và luật sư biết được Văn bản số: 24/SKHĐT-TĐ ngày 08/01/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh K trả lời kiến nghị của Công ty H1 về giải quyết việc thu hồi đất của ông Nguyễn Ngọc Đ, nhưng đến nay Công ty H1 và ông Đ chưa nhận được văn bản này.

Vì vậy, ông Nguyễn Ngọc Đ yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số: 3076/QĐ-UBND ngày 22/11/2011 liên quan phần Khu tái định cư; hủy Quyết định số: 903/QĐ-UBND ngày 12/4/2012, Quyết định số: 336a/QĐ-UBND ngày 25/7/2012 và Quyết định số: 2879/QĐ-UBND ngày

19/11/2012. Vì đây là dự án không có trên thực tế, trái pháp luật, việc lập và triển khai dự án gây lãng phí ngân sách nhà nước, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông Đ.

- Hủy nội dung: “1. Về việc ông Mè Ngọc Đ1 khiếu nại UBND huyện K thu hồi đất để triển khai thực hiện Dự án khu tái định cư thôn B, xã S, huyện K: Việc UBND huyện K thực hiện Dự án khu tái định cư thôn B, xã S, huyện K là đúng quy định của pháp luật; do đó, việc ông Đ1 khiếu nại là không có cơ sở xem xét, giải quyết” tại Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh K;

- Hủy các quyết định: Quyết định số: 602/QĐ-UBND ngày 14/10/2013, Quyết định số: 603/QĐ-UBND ngày 14/10/2013, Quyết định số: 604/QĐ-UBND ngày 14/10/2013, Quyết định số: 605/QĐ-UBND ngày 14/10/2013, Quyết định số: 606/QĐ-UBND ngày 14/10/2013, Quyết định số: 618/QĐ-UBND ngày 18/10/2013, Quyết định số: 633/QĐ-UBND ngày 25/10/2013 và Quyết định số: 244/QĐ-UBND ngày 09/5/2014. Vì các quyết định này là hệ quả của các quyết định trái pháp luật (nêu trên) của UBND tỉnh K.

- Tuyên bố hành vi không ban hành văn bản giải quyết khiếu nại lần 1 của Chủ tịch UBND huyện K đối với đơn khiếu nại ngày 29/9/2014 của ông Nguyễn Ngọc Đ là trái pháp luật.

- Tuyên bố hành vi hành chính của U không thực hiện nội dung kết luận tại Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017 (nêu trên) là trái pháp luật và buộc phải thực hiện các nội dung kết luận (nêu trên).

- Tuyên bố hành vi không giao Văn bản số: 24/SKHĐT-TĐ ngày 08/01/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh K trả lời kiến nghị của Công ty H1 về giải quyết việc thu hồi đất của ông Nguyễn Ngọc Đ là trái pháp luật và buộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa phải giao Văn bản số: 24/SKHĐT-TĐ ngày 08/01/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh K cho ông Nguyễn Ngọc Đ.

** Tại Văn bản số 151/UBND-NC ngày 21/01/2019; Văn bản số 2199/UBND-KT ngày 02/8/2019 của UBND huyện K và quá trình tố tụng, người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND huyện K, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:*

Thực hiện các quyết định của UBND tỉnh K về Khu tái định cư, ngày 18/6/2012, UBND huyện K ban hành Thông báo số: 65/TB-UBND về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng công trình: Khu tái định cư. Tổng số trường hợp thu hồi đất là 05 hộ với tổng diện tích đất thu hồi là 77.247,60m²; Tổng số kinh phí được phê duyệt theo phương án bồi thường chi tiết là: 2.480.577.000 đồng. Tại thời điểm triển khai thực hiện công tác đền bù có 04 hộ đồng ý hợp tác kiểm kê, nhận tiền đền bù và bàn giao mặt bằng. Riêng hộ ông Nguyễn Ngọc Đ không hợp tác (tổng diện tích thu hồi là: 70.169,70m², tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và khen thưởng đã phê duyệt là 2.148.612.000 đồng). Hiện trạng hiện nay tại Khu tái định cư có 142 hộ dân thuộc xã S được bố trí vào ở ổn định và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 27/12/2012, UBND huyện K chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan mời các hộ dân bị ảnh hưởng bởi Khu tái định cư để thông báo chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án (biên bản thể hiện có mời ông Nguyễn Ngọc Đ nhưng ông Đ vắng mặt), tại buổi họp các hộ dân đều thống nhất, đồng tình với việc triển khai thực hiện Khu tái định cư.

Để triển khai thực hiện việc kiểm kê hiện trạng, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện đã ban hành 04 thông báo về thời gian tiến hành kiểm kê diện tích đất và tài sản trong phạm vi xây dựng công trình Khu tái định cư (Thông báo số: 01/TB-TTPTQĐ ngày 03/01/2013, Thông báo số: 02/TB-TTPTQĐ ngày 17/01/2013, Thông báo số: 11/TB-TTPTQĐ ngày 10/4/2013 và Thông báo số: 15/TB-TTPTQĐ ngày 7/5/2013). Tuy nhiên, cả 04 lần tiến hành kiểm kê đều không thực hiện việc kiểm kê đối với khu đất của ông Đ được vì ông Đ không hợp tác.

Ngày 28/6/2013, UBND huyện K ban hành Quyết định số: 290/QĐ-UBND về việc kiểm kê bắt buộc hiện trạng khuôn viên nhà, đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Ngọc Đ. Ngày 08/7/2013, Hội đồng kiểm kê bắt buộc huyện K lập biên bản công bố Quyết định kiểm kê bắt buộc hiện trạng nhà và đất của ông Đ; ngày 26/7/2013, có Báo cáo số: 36/BC-HĐKK về kết quả công tác kiểm kê; ngày 29/7/2013, có Thông báo số: 20/TB-HĐKK niêm yết công khai khối lượng kiểm kê tại trụ sở UBND xã S từ ngày 30/7/2013 đến ngày 08/8/2013; ngày 09/8/2013, lập biên bản kết thúc công khai khối lượng kiểm kê. Ngày 03/9/2013, Trung tâm Phát triển quỹ đất ban hành Thông báo số: 25/TB-TTPTQĐ niêm yết công khai phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư từ ngày 04/9/2013 đến ngày 24/9/2013 tại trụ sở UBND xã S và thông báo trên Đài Phát thanh và Truyền hình K.

Ngày 14/10/2013, UBND huyện K ban hành Quyết định số 602, 603, 604, 605 và 606/QĐ-UBND về việc thu một phần diện tích do ông Đ đang sử dụng để thực hiện Khu tái định cư (thửa đất số 6, 7, 8, 9 và 10 tờ bản đồ số 01 xã S, huyện K, tổng diện tích thu hồi là 70.169,70m²); ban hành Quyết định số: 618/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với tổng số tiền là 2.480.577.000 đồng; ban hành Quyết định số: 633/QĐ-UBND ngày 25/10/2013 về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Đ với tổng số tiền là 2.148.612.000 đồng.

Ủy ban nhân dân huyện đã gửi các Giấy mời số: 272/GM-UBND ngày 03/12/2013, Giấy mời số: 275/GM-UBND ngày 06/12/2013 gửi trực tiếp cho ông Đ đến để đối thoại trực tiếp nhưng ông Đ không đến. Ngày 16/12/2013, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện có Công văn số: 108/TTPTQĐ gửi UBND thị trấn D, Công an thị trấn D đề nghị phối hợp niêm yết công khai, gửi các văn bản liên quan đến việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Đ (lý do qua xác minh ông Đ đã chuyển về tạm trú tại Tổ dân phố P1, thị trấn D, huyện D).

Ngày 07/3/2014, UBND huyện K ban hành Công văn số: 227/UBND-NC gửi UBND tỉnh xin chủ trương áp dụng các biện pháp cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với ông Đ (đính kèm Báo cáo số: 49/BC-UBND ngày 07/3/2014 về trình tự, cơ sở pháp lý đã thực hiện đối với ông Nguyễn Ngọc Đ và

xin chủ trương cưỡng chế thu hồi đất). Ngày 19/3/2014, UBND tỉnh có Văn bản số: 1514/UBND-XDND giao Sở T tham mưu xử lý cưỡng chế thu hồi đất nêu trên. Ngày 31/3/2014, Sở T ban hành Công văn số: 622/STNMT-GĐBTTĐC về việc cưỡng chế thu hồi đất hộ ông Nguyễn Ngọc Đ, thuộc dự án Khu tái định cư gửi UBND tỉnh, trong đó có nội dung: ... UBND huyện K đã thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; ... Qua xem xét các trình tự thực hiện bồi thường nêu trên cho thấy hộ ông Đ không hợp tác trong việc nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng thực hiện dự án. Vì vậy, kiến nghị UBND tỉnh cho phép UBND huyện K hoàn chỉnh các thủ tục cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Ngọc Đ... Sau khi xem xét, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số: 2061/UBND-XDND ngày 11/4/2014 với nội dung: Đồng ý với đề xuất của Sở T tại công văn nêu trên; giao UBND huyện K hoàn tất các thủ tục cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Ngọc Đ theo trình tự quy định và tổ chức cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện Khu tái định cư theo đúng quy định của pháp luật.

Tháng 4/2014, UBND huyện K tiếp tục có Giấy mời số: 77 mời ông Đ dự buổi đối thoại trực tiếp về việc thu hồi đất và bồi thường để thực hiện Khu tái định cư nhưng ông Đ không nhận, do đó, đã lập biên bản niêm yết giấy mời tại nhà ông Đ. Ngày 09/5/2014, UBND huyện K đã ban hành Quyết định số: 244/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành Quyết định thu hồi đất đối với ông Đ.

Từ khi bắt đầu triển khai thực hiện Khu tái định cư (tháng 12/2012) đến tháng 9/2014 (ngày ông Đ có đơn khiếu nại), UBND huyện K và các cơ quan liên quan đã tiến hành mời các hộ dân (trong đó có ông Đ) đến để công khai thực hiện dự án, nhiều lần gửi giấy mời cho ông Đ nhưng ông Đ không hợp tác, không nhận giấy mời, không đến làm việc với các cơ quan chức năng. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, cưỡng chế thu hồi đất, UBND huyện K đều phối hợp với các cơ quan chức năng tại xã S và thị trấn D, huyện D (nơi ông Đ đăng ký thường trú và tạm trú), xã S, huyện K (nơi có đất bị thu hồi) để tổng đạt, niêm yết công khai thực hiện dự án, mời làm việc, cưỡng chế và chi trả tiền bồi thường cho ông Đ có sự chứng kiến của lãnh đạo địa phương, đại diện tổ dân phố, cảnh sát khu vực nhưng ông Đ đều từ chối không hợp tác, né tránh, không nhận, nên Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện K đã lập biên bản và ghi hình để xác nhận sự việc.

Đồng thời, qua thu thập hồ sơ cho thấy: Ngày 03/01/2013, ông Lê Công H - nhân viên Ban quản lý dự án các công trình xây dựng huyện K có giao cho ông Đ các tài liệu như: Thông báo chủ trương thu hồi đất số: 65/TB-UBND ngày 18/6/2012 của UBND huyện K; Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu tái định cư; Quyết định số: 2879/QĐ-UBND ngày 19/11/2012; bản photo mặt bằng quy hoạch phân lô chi tiết Khu tái định cư.

Từ những vấn đề trên nhận thấy:

- Về chủ trương thực hiện Khu tái định cư là đúng quy định, nội dung này đã được khẳng định tại Văn bản số: 24/SKHĐT-TĐ ngày 08/01/2015 của sở Kế hoạch và Đầu tư về trả lời kiến nghị của công ty H1 về giải quyết vụ việc thu hồi

đất của ông Nguyễn Ngọc Đ gửi Công ty H1; Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017.

- Việc UBND huyện K thu hồi đất để thực hiện Khu tái định cư là 77.247,60m², vượt 18.722,60m² so với Quyết định số: 336a/QĐ-UBND ngày 25/7/2012, là do: Địa hình miền núi nên hiệu số sử dụng đất cho mục đích chính sẽ không đảm bảo cao và căn cứ kết quả khảo sát thực địa, các cơ quan chuyên môn có Biên bản khảo sát ngày 22/5/2012 thống nhất đề nghị về diện tích đất thực hiện Khu tái định cư khoảng 07ha gửi cơ quan có thẩm quyền; hiện trạng thu hồi là đất nông nghiệp nên có một số thửa diện tích còn lại tiếp giáp sông suối, không bảo đảm cho quy định diện tích tối thiểu của đất khi triển khai dự án sẽ không có đường vào diện tích đất này, vì vậy, cần thu hồi và bồi thường đối với diện tích đất này theo quy định; dự án lập chưa tính diện tích đất mở đường kết nối từ đường liên thôn hiện có vào Khu tái định cư. Diện tích đất tăng phải thu hồi bao gồm đất ông Đ đang sử dụng và đất các hộ dân khác.

- UBND huyện K đã thực hiện dự án đúng quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại các Điều 29, 30, 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ. Nội dung này đã được khẳng định tại các văn bản: Công văn số: 622/STNMT-GĐBTTĐC ngày 31/3/2014 của Sở T; Công văn số: 2061/UBND-XDND ngày 11/4/2014 của UBND tỉnh K; Công văn số: 6428/UBND-XDND ngày 24/8/2016 về việc trả lời đơn gửi Công ty H1; Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017.

- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, ông Đ đều biết nhưng không hợp tác làm việc với UBND huyện K, UBND xã S và các cơ quan chức năng.

- Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc Đ về thực hiện nội dung Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017: Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Văn bản số: 01/UBND-NC ngày 04/01/2018 về việc thực hiện Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017, nội dung chỉ đạo Thanh tra huyện, Phòng T, Trung tâm phát triển quỹ đất, UBND xã S và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu UBND huyện khẩn trương thực hiện Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017; các cơ quan, đơn vị liên quan đã thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của UBND huyện. Ủy ban nhân dân huyện K đã báo cáo tình hình thực hiện Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017 lên UBND tỉnh K cùng các cơ quan liên quan theo quy định.

Như vậy, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch UBND huyện K đã ban hành các quyết định để thực hiện Khu tái định cư và thực hiện Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017 là có căn cứ, đúng pháp luật; yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc Đ là không có căn cứ, đề nghị Tòa án không chấp nhận nhận.

** Tại Văn bản số 10497/UBND-NC ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh K và quá trình tố tụng, người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:*

- Đối với việc thu hồi đất; việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số: 3076/QĐ-UBND ngày 22/11/2011, Quyết định số: 903/QĐ-UBND ngày 12/4/2012 Quyết định số: 336a/QĐ-UBND ngày 25/7/2012 và Quyết định số: 2879/QĐ-UBND ngày

19/11/2012 về dự án Khu tái định cư. Trong quá trình triển khai thực hiện Khu tái định cư, UBND và Chủ tịch UBND huyện K đã ban hành các quyết định như các đương sự trình bày trên.

Ông Nguyễn Ngọc Đ có đơn gửi Đại biểu Quốc hội Đỗ Ngọc T2 và các cơ quan liên quan trình bày không đồng ý việc lập dự án, thu hồi đất để thực hiện Khu tái định cư. Sau khi nhận được đơn, UBND tỉnh giao Thanh tra tỉnh tiến hành kiểm tra xác minh, báo cáo UBND tỉnh giải quyết đơn. Trên cơ sở báo cáo kết quả xác minh của Thanh tra tỉnh tại các Công văn số: 127/TTT-P4 ngày 29/3/2016 và Công văn số: 293/TTT-P4 ngày 29/6/2016; ngày 02/8/2016, UBND tỉnh tổ chức cuộc họp để nghe Thanh tra tỉnh báo cáo về vụ việc nêu trên và đã có các văn bản số: 6428/UBND-XDND ngày 24/8/2016, số: 7091/UBND-XDND ngày 10/8/2017 trả lời ông Nguyễn Ngọc Đ, Công ty H1 và báo cáo Đại biểu Quốc hội Đỗ Ngọc T2.

Ngày 19/9/2017, lãnh đạo UBND huyện K tổ chức tiếp ông Nguyễn Ngọc Đ. Tại buổi tiếp xúc, ông Đ có ý kiến đề nghị xem xét lại giá trị bồi thường đối với diện tích đất đã được UBND huyện K thu hồi để xây dựng Khu tái định cư; ông Đ không khiếu nại hoặc kiến nghị, phản ánh liên quan đến việc thu hồi đất để thực hiện Khu tái định cư nữa. Vì vậy, ngày 29/9/2017, Ban Tiếp công dân huyện K đã có Công văn số: 20/PCĐ-BTCD chuyển nội dung đề nghị xem xét lại giá trị bồi thường của ông Đ đến Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K để xem xét, báo cáo cho UBND huyện K. Tuy nhiên, sau đó tại đơn ngày 18/10/2017 (đơn do Đại biểu Quốc hội Đỗ Ngọc T2 và B1 chuyển đến UBND tỉnh), ông Nguyễn Ngọc Đ khiếu nại liên quan đến việc thu hồi đất để thực hiện Khu tái định cư.

Ngày 14/12/2017, lãnh đạo UBND tỉnh tổ chức tiếp ông Nguyễn Ngọc Đ liên quan đến việc thu hồi đất thuộc dự án xây dựng Khu tái định cư và Dự án đường sản xuất phía Tây Nam thuộc chương trình 135 năm 2017, đã ban hành Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017 về việc kết luận tiếp công dân, trong đó có nội dung:

- Về việc ông Mè Ngọc Đ1 khiếu nại UBND huyện K thu hồi đất để triển khai thực hiện Khu tái định cư:

- + Việc UBND huyện K thực hiện dự án Khu tái định cư T, xã S, huyện K là đúng quy định của pháp luật; do đó, việc ông Đ1 khiếu nại là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

- + Yêu cầu UBND xã S báo cáo danh sách các đối tượng được bố trí tái định cư vào ở trong khu vực dự án Khu tái định cư thôn B cho UBND huyện K trước ngày 25/12/2017; Giao UBND huyện K kiểm tra, rà soát lại danh sách các đối tượng được bố trí vào Khu tái định cư thôn B, xã S có đúng quy định hay không, nếu có vi phạm thì xử lý theo quy định; báo cáo kết quả cho UBND tỉnh trước ngày 15/01/2018.

Ngoài ra, tại mục 2, 3, 4, 5, 6 và 7 của Thông báo, UBND tỉnh đã kết luận chỉ đạo UBND huyện K giải quyết các nội dung kiến nghị của ông Nguyễn Ngọc Đ liên quan đến việc thu hồi đất, việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích còn lại, việc xin giao đất làm trang trại sản xuất...

Ông Nguyễn Ngọc Đ khởi kiện là không có cơ sở. Vì vậy, Chủ tịch UBND tỉnh K đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Đ.

** Tại bản tự khai ngày 14/3/2019 và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã S trình bày:*

Theo các tài liệu đã cung cấp cho Tòa án, UBND xã S đã nhiều lần tiếp xúc và giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc Đ theo các nội dung của Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017 có biên bản làm việc kèm theo và đã giao cho ông Đ. Hiện nay, Khu tái định cư đã thực hiện xong, đã bố trí 142 hộ dân vào ở ổn định và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân. UBND xã S đã hoàn thành đầy đủ chức trách, nhiệm vụ theo đúng quy định và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2023/HC-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

- Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ 1 Điều 38, Điều 39 và Điều 132 Luật Đất đai năm 2003; Điều 95, 98, 99 và Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

- Căn cứ Điều 9, khoản 6 Điều 11 và Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Đ (Mè Ngọc Đ1) hủy một phần các quyết định sau:

- Quyết định số: 602/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của UBND huyện K về việc thu hồi một phần diện tích đất hộ ông Mè Ngọc Đ1 đang sử dụng để thực hiện công trình: Khu tái định cư T, xã S, huyện K, đối với phần thu vượt là 6.575,6m².

- Quyết định số: 603/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của UBND huyện K về việc thu hồi một phần diện tích đất hộ ông Mè Ngọc Đ1 đang sử dụng để thực hiện công trình: Khu tái định cư T, xã S, huyện K, đối với phần thu vượt là 4.901,3m².

- Quyết định số: 604/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của UBND huyện K về việc thu hồi một phần diện tích đất hộ ông Mè Ngọc Đ1 đang sử dụng để thực hiện công trình: Khu tái định cư T, xã S, huyện K đối với phần thu vượt là 4.064,5m².

- Quyết định số: 618/QĐ-UBND ngày 18/10/2013 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Khu tái định cư T, xã S, huyện K, đối với phần diện tích thu vượt 15.541,4m² của ông Nguyễn Ngọc Đ.

- Quyết định số: 633/QĐ-UBND ngày 25/10/2013 của UBND huyện K về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Mè Ngọc Đ1 có đất bị thu hồi để thực hiện công trình xây dựng khu tái định cư thôn B, xã S, huyện K đối với phần diện tích thu vượt 15.541,4m² của ông Nguyễn Ngọc Đ.

- Quyết định số: 244/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của UBND huyện K về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất với ông Mè Ngọc

Đ1 để thực hiện dự án xây dựng Khu tái định cư K, xã S, huyện K đối với phần diện tích thu vượt 15.541,4m² của ông Nguyễn Ngọc Đ.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Đ (Mè Ngọc Đ1) về yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định số: 605/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của UBND huyện K về việc thu hồi một phần diện tích đất hộ ông Mè Ngọc Đ1 đang sử dụng để thực hiện công trình: Khu tái định cư T, xã S, huyện K;

- Quyết định số: 606/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của UBND huyện K về việc thu hồi một phần diện tích đất hộ ông Mè Ngọc Đ1 đang sử dụng để thực hiện công trình: Khu tái định cư T, xã S, huyện K;

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Đ (Mè Ngọc Đ1) đối với yêu cầu tuyên bố hành vi không ban hành văn bản giải quyết khiếu nại lần 1 của Chủ tịch UBND huyện K đối với đơn khiếu nại ngày 29/9/2014 của ông Nguyễn Ngọc Đ là trái pháp luật.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Đ (Mè Ngọc Đ1) đối với yêu cầu hủy nội dung: “1. Về việc ông Mè Ngọc Đ1 khiếu nại UBND huyện K thu hồi đất để triển khai thực hiện Dự án khu tái định cư thôn B, xã S, huyện K: Việc UBND huyện K thực hiện Dự án khu tái định cư thôn B, xã S, huyện K là đúng quy định của pháp luật; do đó việc ông Đ1 khiếu nại là không có cơ sở xem xét, giải quyết” tại Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc kết luận tiếp công dân đối với trường hợp khiếu nại của ông Mè Ngọc Đ1.

5. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Đ (Mè Ngọc Đ1) đối với yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của U không thực hiện nội dung: Đối với việc thu hồi đất của ông Mè Ngọc Đ1 (điểm 2), Đối với nội dung ông Nguyễn Ngọc Đ đề nghị được đền bù bằng hoán đổi đất (điểm 3) và Đối với việc ông Mè Ngọc Đ1 xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất còn lại (khoảng 14ha) (điểm 4) tại Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh K là trái pháp luật và buộc phải thực hiện đúng kết luận tại Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo

Ngày 30/8/2023, ông Nguyễn Ngọc Đ nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người kháng cáo ông Nguyễn Ngọc Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Lưu ý: Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/08/2006, Quyết định số 78/2008/QĐ-TTg ngày 10/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 21/2007/TT-BNN ngày 27/3/2007 và Thông tư số 14/2010/TT-BNNPTNT ngày 19/3/2010 của Bộ NN để chấp nhận chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện K đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật; kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Đ là không có cơ sở, không có chứng cứ mới làm thay đổi bản chất nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các Quyết định số: 3076/QĐ-UBND ngày 22/11/2011 liên quan phần Khu tái định cư, Quyết định số: 903/QĐ-UBND ngày 12/4/2012 và Quyết định số: 2879/QĐ-UBND ngày 19/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh K; Quyết định số 336^a/QĐ-UBND ngày 25/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện K về phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án Khu tái định cư thôn B, xã S, huyện K là các quyết định hành chính nhưng nội dung không làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông Đ nên không phải là quyết định hành chính bị kiện theo qui định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu huỷ các Quyết định trên là đúng pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ cho rằng nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là trái với qui định tại Điều 6, điểm d khoản 3 Điều 191 Luật Tổ tụng hành chính là không có cơ sở, vì các Quyết định trên là hợp pháp và không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Do đó, kháng cáo yêu cầu xem xét tính hợp pháp đối với các Quyết định trên là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Về yêu cầu kháng cáo đối với Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc kết luận tiếp công dân đối với trường hợp khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc Đ:

Việc Ủy ban nhân dân huyện K thu hồi đất của các hộ dân để thực hiện Dự án khu tái định cư thôn B, xã S, huyện K là thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 24/5/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập dự án quy hoạch tổng thể bố trí dân cư giai đoạn 2010-2015; Quyết định 3676/QĐ-UBND ngày 22/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về phê duyệt Quy hoạch tổng thể bố trí dân cư tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011-2015. Vì vậy, kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh K tại Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017 với nội dung: *“Việc UBND huyện K thực hiện dự án khu tái định cư thôn B, xã S, huyện K là đúng quy định của pháp luật; do đó, việc ông Đ khiếu nại là không có cơ sở để xem xét, giải quyết”* là có căn cứ, đúng pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ là đúng. Do đó, kháng cáo của ông Đ yêu cầu hủy nội dung: *“1. Về việc ông Mè Ngọc Đ1 khiếu nại UBND huyện K thu hồi đất để triển khai thực hiện Dự án khu tái định cư thôn*

B, xã S, huyện K: *Việc UBND huyện K thực hiện Dự án khu tái định cư thôn B, xã S, huyện K là đúng quy định của pháp luật; do đó việc ông Đ1 khiếu nại là không có cơ sở xem xét, giải quyết*” tại Thông báo số: 910/TB-UBND là không có căn cứ chấp nhận

[3] Về kháng cáo yêu cầu tuyên bố hành vi không ban hành văn bản giải quyết khiếu nại lần 1 của Chủ tịch UBND huyện K đối với đơn khiếu nại ngày 29/9/2014 của ông Nguyễn Ngọc Đ là trái pháp luật:

Các tài liệu chứng cứ tại hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 03/01/2013, ông Lê Công H - nhân viên Ban quản lý dự án các công trình xây dựng huyện K có giao cho ông Đ các tài liệu liên quan đến Khu tái định cư, tại Văn bản số: 634/UBND-NC ngày 07/5/2013 của UBND huyện K trả lời đơn kiến nghị của ông Đ đề ngày 04/01/2013 yêu cầu dừng lại việc giải tỏa diện tích đất ông Đ đang sử dụng trong phạm vi thực hiện dự án xây dựng Khu tái định cư. Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông Đ biết việc triển khai thực hiện Khu tái định cư trước ngày 04/01/2013, không phải như ông trình bày cho đến ngày 28/8/2014 ông mới biết Khu tái định cư.

Ngoài ra, các quyết định cưỡng chế thu hồi đất, thông báo chi trả tiền bồi thường được niêm yết công khai tại Tổ dân phố B P, thị trấn D (nơi ông Đ cư trú) và tại UBND xã S (nơi ông Đ đăng ký hộ khẩu thường trú) vào các ngày 14/5/2014 và ngày 15/5/2014. Như vậy, UBND huyện K không thụ lý khiếu nại của ông Đ vì đã hết thời hiệu là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Khiếu nại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Đ về tuyên bố hành vi hành chính không ban hành văn bản giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện K là trái pháp luật là có cơ sở, nên kháng cáo của ông Đ về nội dung này là không có căn cứ.

[4] Về kháng cáo yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của UBND huyện K không thực hiện kết luận tại Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017 là trái pháp luật và buộc phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng kết luận tại Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017:

Ngày 04/11/2018, UBND huyện K có Văn bản số: 01/UBND-NC chỉ đạo Thanh tra huyện, Phòng T, Trung tâm Phát triển quỹ đất, UBND xã S và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu UBND huyện khẩn trương thực hiện Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017.

Đối với việc thu hồi đất của ông Mè Ngọc Đ1 (điểm 2 Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017): Ngày 23/01/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K đã tiến hành làm việc với ông Đ1 về việc xác lập hồ sơ bồi thường. Kết quả làm việc ông Đ1 không thống nhất việc bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất bị thu hồi. Ông Đ1 đề nghị bồi thường bằng đất tại khu vực diện tích bóc tách tiếp giáp với đất còn lại hiện nay của ông Đ1. Ông Đ1 cũng không phối hợp và không cung cấp hồ sơ để làm cơ sở tính toán giá trị bồi thường. Vì vậy, Trung tâm phát triển quỹ đất không thể tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Đối với nội dung ông Nguyễn Ngọc Đ đề nghị được đền bù bằng hoán đổi đất (điểm 3 Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017): Ngày 17/01/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K có Văn bản số: 13/PTNMT báo cáo UBND huyện K, với nội dung: Đối với đề nghị của ông Đ được đền bù bằng hoán

đổi đất là không thể thực hiện được, vì: Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”. Căn cứ khoản 1 Điều 132 Luật Đất đai năm 2013 quy định đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích: “Đối với những nơi đã để lại quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích vượt quá 5% thì diện tích ngoài mức 5% được sử dụng để xây dựng hoặc bồi thường khi sử dụng đất khác để xây dựng các công trình công cộng của địa phương”. Qua rà soát, kiểm tra tổng diện tích đất công ích (đất 5%) trên địa bàn huyện thì diện tích đất công ích do các xã quản lý không vượt quá 5% theo khoản 1 Điều 132 Luật Đất đai 2013. Vì vậy, không thể thực hiện đền bù bằng việc hoán đổi đất cho ông Đ. Đối với yêu cầu của ông Đ được bồi thường bằng đất tại khu vực diện tích bóc tách tiếp giáp với đất còn lại hiện nay của ông Đ (tại xã S) không thể thực hiện được, vì: diện tích đất này vào đầu năm 2017, UBND xã S phối hợp với Phòng T cùng đơn vị đo đạc đã tiến hành cắm mốc và tạm bàn giao đất cho 32 hộ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất với tổng diện tích 27,49ha đất được bóc tách từ Công ty TNHH MTV L1.

Đối với việc ông Mè Ngọc Đ1 xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất còn lại (khoảng 14ha) (điểm 4 Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017): Việc chưa tiến hành làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích còn lại do ông Đ1 chưa nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất còn lại (khoảng 14ha). Do đó, không có căn cứ để UBND huyện K thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ1.

Ngày 29/01/2018, UBND huyện K có Văn bản số: 18/BC- UBND báo cáo UBND tỉnh K về kết quả thực hiện Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017. Như vậy, UBND huyện K đã thực hiện các kết luận nêu trong Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông Nguyễn Ngọc Đ là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của UBND huyện K không thực hiện kết luận tại Thông báo số: 910/TB-UBND ngày 26/12/2017 là trái pháp luật.

[5] Đối với kháng cáo yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số: 602/QĐ-UBND ngày 14/10/2013, Quyết định số: 603/QĐ-UBND ngày 14/10/2013, Quyết định số: 604/QĐ-UBND ngày 14/10/2013, Quyết định số: 605/QĐ-UBND ngày 14/10/2013, Quyết định số: 606/QĐ-UBND ngày 14/10/2013, Quyết định số: 618/QĐ-UBND ngày 18/10/2013, Quyết định số: 633/QĐ-UBND ngày 25/10/2013 và Quyết định số: 244/QĐ-UBND ngày 09/5/2014:

Ngày 14/10/2013, UBND huyện K ban hành Quyết định số 602, 603, 604, 605 và 606/QĐ-UBND về việc thu hồi một phần diện tích hộ ông Đ đang sử dụng (thửa đất số 6, 7, 8, 9 và 10 tờ bản đồ số 01 xã S, huyện K) để thực hiện Khu tái định cư, tổng diện tích đất bị thu hồi 70.169,70m². Việc UBND huyện K thu hồi đất

của ông Đ để thực hiện Khu tái định cư thuộc trường hợp thu hồi đất phục vụ mục đích vì lợi ích công cộng theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Đất đai năm 2003. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ cho rằng UBND huyện K không thực hiện đúng Quyết định số 193 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 21 và Thông tư số 14 của Bộ NN là không đúng.

Tuy nhiên quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân huyện K đã thu hồi đất của ông Nguyễn Ngọc Đ vượt quá diện tích theo các quyết định cụ thể như sau:

- Diện tích thu hồi theo QĐ số 602 là 14.057,2m² (trong đó diện tích thu hồi ngoài ranh theo QĐ 336a là 6.575,6m²);

- Diện tích thu hồi theo QĐ số 603 là 43.997,0m² (trong đó diện tích thu hồi ngoài ranh theo QĐ 336a là 4.901,3m²)

- Diện tích thu hồi theo QĐ số 604 là 4.321,2m² (trong đó diện tích thu hồi ngoài ranh theo QĐ 336a là 4.064,5m²)

- Diện tích thu hồi theo QĐ số 605 là 331,2m²

- Diện tích thu hồi theo QĐ số 606 là 7.463,1 m²

Tổng diện tích thu hồi vượt là 15.541,4m², phần đất thu hồi đất vượt được xác định tại Trích đo địa chính lập ngày 07/12/2022.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định: căn cứ theo QĐ 336a/QĐ-UBND ngày 25/7/2012 của UBND huyện K diện tích đất thu hồi là 58.475.0m² để thực hiện Khu tái định cư thôn B nhưng các Quyết định thu hồi đất của ông Nguyễn Ngọc Đ cụ thể: Quyết định 602/QĐ-UBND, Quyết định 603/QĐ-UBND, Quyết định 604/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 đều vượt diện tích thu hồi ngoài ranh so với Quyết định 336a và chấp nhận yêu cầu hủy một phần các Quyết định thu hồi đất số 602, 603, 604 của Ủy ban nhân dân huyện K thu hồi đất của ông Nguyễn Ngọc Đ đối với phần thu hồi vượt là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Đ yêu cầu hủy các quyết định trên.

Do Ủy ban nhân dân huyện K thu hồi đất của ông Nguyễn Ngọc Đ vượt so với qui hoạch của dự án tại các Quyết định 602; 603; 604 nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Đ về việc hủy các Quyết định 618, Quyết định 633; Quyết định 244 đối với phần thu vượt là có căn cứ, đúng pháp luật, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Đ yêu cầu hủy các Quyết định 618, Quyết định 633; Quyết định 244.

[6] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của ông Đ và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Đ;
2. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2023/HC-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.
3. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc Đ phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số 0010325 ngày 16/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự